TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **792**/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 18 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 577/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị I, sinh năm 1972; Địa chỉ: 010 chung cư S 2, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970; Địa chỉ: 010 chung cư S 2, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 8 năm 2023, bà Lê Thị I và ông Nguyễn Xuân H thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị I và ông Nguyễn Xuân H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị I và ông Nguyễn Xuân H cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 338, quyển số 02 KHQH ngày 16/12/1993 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị I và ông Nguyễn Xuân H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Xuân Hoàng A, sinh ngày 07/11/1993 và Nguyễn Hoàng Lan A, sinh ngày 05/5/2001. Do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà I, ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Về lệ phí:

- Lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị I và ông Nguyễn Xuân H cùng chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà I và ông H đã nộp theo Biên lai thu số 0006296 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh)

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Văn Chinh